

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS XUÂN SƠN

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG THCS XUÂN SƠN
Năm học 2020-2021

Xuân Sơn, ngày 08 tháng 9 năm 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Hạnh Kiểm	378	106	85	94	93
1	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	341 90,21%	95 89,62%	74 87,06%	87 92,55%	85 91,4%
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	35 9,26%	11 10,38%	9 10,59%	7 7,45%	8 8,6%
3	Trung bình(tỷ lệ so với tổng số)	2 0,53%		2 2,35%		
4	Yếu(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Học lực					
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	79 20,9%	21 19,81%	17 20%	19 20,21%	22 23,66%
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	155 41,01%	50 47,17%	43 50,59%	36 38,3%	26 27,96%
3	Trung bình(tỷ lệ so với tổng số)	136 35,98%	30 28,3%	23 27,06%	38 40,43%	45 48,39%
4	Yếu(tỷ lệ so với tổng số)	8 2,12%	5 4,72%	2 2,35%	1 1,06%	0
5	Kém(tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					

1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	378 100%				
a	Học sinh giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	79 20,9%	21 19,81%	17 20%	19 20,21%	22 23,66%
b	Học sinh tiên tiến(tỷ lệ so với tổng số)	155 41,01%	50 47,17%	43 50,59%	36 38,3%	26 27,96%
2	Thi lại(tỷ lệ so với tổng số)	8 2,1%	5 1,3%	2 0,52%	1 0,2%	0
3	Lưu ban(tỷ lệ so với tổng số)	1 0,26%			1 0,26%	
4	Chuyển trường đến/đi(tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp thị xã	11	0	2	3	6
2	Cấp tỉnh			1		2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	93 100%				93 100%
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	93 100%				93 100%
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)					22

						23,6%
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)					26 28%
3	Trung bình(Tỷ lệ so với tổng số)					45 48,4%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	218/160	59/47	54/31	52/42	53/40
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	2		1		1

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tuyết Mai